TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Chấn.

2. Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lâm Thị N, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Hoàng Văn L thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau vào năm 2009, trước khi kết hôn chị N anh L có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị N anh L có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị N anh L về chung sống cùng nhau ngay và ở tại gia đình anh L. Chị N và anh L đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc. Anh L xác định từ năm 2019 chị N có bỏ đi làm ăn anh không biết chị N làm ăn ở đâu thi thoảng chị N mới về nhà một hai ngày lại đi. Chị N đi một hai năm lại về nhưng chị N cũng không quan tâm đến anh và các con. Vào năm 2022 chị N có về nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét chị N thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn L. Anh L cũng xác không còn tình cảm vợ chồng với chị N, chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Chị N và anh L có 03 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 28/01/2012, cháu Hoàng Văn G, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 27/20/2016. Hiện nay cả ba con chung đều đang ở cùng anh L. Vợ chồng ly hôn thì chị N đề nghị để anh L là người chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung, anh L đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Thị H, cháu Hoàng Văn G trình bày mong muốn được ở với anh Hoàng Văn L.

Tại phiên tòa, chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị N, cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

-Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 28/01/2012, Hoàng Văn G, sinh ngày 20/01/2013 và Hoàng Gia M, sinh ngày 27/20/2016 cho anh Hoàng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Hoàng Văn L. Bị đơn anh Hoàng Văn L đang cư trú tại thôn Số Ba, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vào năm 2009. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị N và anh L đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N anh L là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị N và anh L đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Quá trình giải quyết, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Bị đơn anh Hoàng Văn L cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai. Anh L xác định không còn tình cảm với chị N nên anh L nhất trí ly hôn với chị N.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Hoàng Văn L đồng ý ly hôn với chị N. Do

đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lâm Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn L. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Lâm Thị N và anh Hoàng Văn L có 03 con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 28/01/2012, cháu Hoàng Văn G, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 27/20/2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị N đề nghị để anh L nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng, anh L nhất trí nuôi dưỡng cả ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ly thân thì con chung ở cùng anh L do anh L nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao các con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nguyện vọng của anh L chị N, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giao cả ba con chung cho anh L nuôi dưỡng và nghĩa vụ chịu án phí của chị Lâm Thị N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 28/01/2012, Hoàng Văn G, sinh ngày 20/01/2013 và Hoàng Gia M, sinh ngày 27/20/2016 cho anh Hoàng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Lâm Thị N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004110 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lâm Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Tân Quang, thành huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (số 33/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường